

Số: **701** /QĐ-UBND

Cát Tiên, ngày **08** tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ thâm canh cây điều ghép và sầu riêng theo Viet GAP tại xã Phước Cát 2 năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT TIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2015;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về thực hiện một số nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Ban hành định mức kinh tế-Kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc quy định tỷ lệ quay vòng vốn, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển của cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về quy định quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được lồng ghép thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Nghị quyết số 223/2023/NQ-HĐND ngày 27/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Nghị quyết số 224/2023/NQ-HĐND ngày 27/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định về nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị, nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án, sản xuất hỗ trợ phát triển sản xuất cộng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Hướng dẫn số 2611/HD-SNN ngày 19/10/2023 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và PTNT thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND huyện Cát Tiên về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024; Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện Cát Tiên về việc chi chuyển nguồn ngân sách năm 2023 sang năm 2024 để tiếp tục theo dõi, quyết toán trong năm 2024;

Xét đề nghị của Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (DA 2) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tại Báo cáo số 02/BC-TTĐ ngày 05/8/2024 về kết quả thẩm Dự án Hỗ trợ thâm canh cây điều ghép và sầu riêng theo Viet GAP tại xã Phước Cát 2;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án hỗ trợ thâm canh cây điều ghép và sầu riêng theo Viet GAP tại xã Phước Cát 2, với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Hỗ trợ thâm canh cây điều ghép và sầu riêng theo Viet GAP.
2. Chủ đầu tư: Trung tâm Nông nghiệp huyện.
3. Thời gian thực hiện: Năm 2024
4. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn xã Phước Cát 2.
5. Về đối tượng tham gia thực hiện dự án

Đối tượng tham gia thực hiện dự án là Nhóm cộng đồng dân cư của cộng đồng thâm canh cây điều ghép và sầu riêng theo Viet GAP tại xã Phước Cát 2 gồm 10 thành viên, cụ thể:

- Hộ hưởng lợi từ dự án: 09 hộ (03 hộ cận nghèo, 06 hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo).

- Hộ không hưởng lợi từ dự án: 01 hộ (Chủ tịch Hội nông dân xã, Hộ làm kinh tế giỏi là người đại diện nhóm cộng đồng), cụ thể như sau:

+ Hộ tên người đại diện cộng đồng dân cư do ông Đặng Văn Phước – Chủ tịch Hội nông dân xã - làm Nhóm trưởng

- Số CCCD: 068086005327, ngày cấp 09/5/2021, nơi cấp: Cục quản lý hành

chính về trật tự xã hội.

6. Nội dung của dự án

Dự án Hỗ trợ thâm canh cây điều ghép và sầu riêng theo Viet GAP tại xã Phước Cát 2 năm 2024 thuộc Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (DA2).

6.1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thực hiện thâm canh cây điều ghép và sầu riêng theo Viet GAP tại xã Phước Cát 2.

- Quy mô: 8 ha/9 hộ. (Trong đó: Tại các thôn Phước Trung: 01 ha/1 hộ, ; Phước thái: 02 ha/2 hộ, thôn 3: 01 ha/1 hộ, thôn 4: 02 ha/2 hộ thâm canh cây điều ghép và thôn Sơn hải: 2 ha/3 hộ (trong đó thâm canh cây điều ghép 1,5 ha/2 hộ, thâm canh cây sầu riêng theo Viet GAP: 0,5 ha/1 hộ).

- Thời gian thực hiện: Năm 2024

- Đối tượng tham gia: Hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo.

- Hình thức đầu tư: Nhà nước hỗ trợ mua vật tư nông nghiệp và chi phí khác với kinh phí không quá 60% tổng chi phí cho 01 dự án. Nhân dân đóng góp không thấp hơn 40% kinh phí được tính bằng hiện vật là phân chuồng, phụ phẩm khác và công lao động.

b) Tiêu chuẩn kỹ thuật của vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

* Phân Kali clorua:

- Thành phần: K_2O : 61%

- Sản xuất tại tổng công ty phân bón và hóa chất dầu khí

- Địa chỉ: Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

* Phân Kali Sulphate

- Thành phần: K_2O : 50% min; S: 18%

- Sản xuất tại Chi nhánh Công ty TNHH SX-TM XNK An Thuận Phát

- Địa chỉ: Phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

* Phân bón NPK 16-16-8+ TE

- Thành phần: Đạm (N_{ts}): 16%; Lân (P_2O_{5hh}): 16%; Kali (K_2O_{hh}): 8%
Zn (1100 ppm); B (600 ppm)

- Sản xuất tại Nhà máy đạm Cà Mau.

- Địa chỉ: Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

* Phân bón NPK 20-20-15+ TE

- Thành phần: Đạm (N_{ts}): 20%; Lân (P_2O_{5hh}): 20%; Kali (K_2O_{hh}): 15%
Zn (1000 ppm); B (500 ppm)

- Sản xuất tại Nhà máy đạm Cà Mau.

- Địa chỉ: Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

* Phân bón NPK con cò 15-15-15

- Thành phần: Đạm tổng số (N_{ts}): 15%; Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh}): 15%;
Kali hữu hiệu (K_2O_{hh}): 15%

Lưu huỳnh (S): 9%; B (500 ppm)

- Sản xuất tại Công ty TNHH BACONCO

- Địa chỉ: Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

* Thuốc trừ bệnh Anvil 5 SC

- Hoạt chất: Hexaconazole: 50g/l
- Sản xuất tại Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
- Địa chỉ: Phường Long bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

*** Thuốc trừ sâu Reasgant 3.6 EC**

- Hoạt chất: Abamectin 3.6g/l
- Sản phẩm của công ty CP Việt Thắng GROUP
- Địa chỉ: huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

*** Thuốc trừ bệnh Agri-fos 400**

- Thành phần: 400g/l phosphorous acid: Mono-potassium phosphonate và Dipotassium phosphonate

- Nhập khẩu và phân phối: Công ty CP phát triển công nghệ sinh học Dona-Techno

- Địa chỉ: Phường Xuân Bình, TP.Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

b) Chi phí khác: Hỗ trợ chi phí Tổ thẩm định và Chi phí quản lý.

6.2. Dự toán kinh phí thực hiện.

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thanh tiền (đồng)	Nhà nước hỗ trợ (đồng)	ND tự đầu tư (đồng)	tỉ lệ kinh phí thực hiện (%)	
								Nhà nước hỗ trợ	Nhân dân đóng góp
I	Chi phí trực tiếp cho thâm canh cây điều ghép	Ha	7,50		281.475.000	159.600.000	121.875.000		
	Giống, vật tư cho 1 ha				37.530.000	21.280.000	16.250.000		
1	Phân NPK 16-16-8	Kg	500	18.000	9.000.000	9.000.000			
2	Phân NPK 20-20-15	Kg	400	23.700	9.480.000	9.480.000			
3	Phân Clorua kali	Kg	100	11.500	1.150.000	1.150.000			
4	Thuốc trừ sâu Reasgant 3.6 EC	Lít	2,0	215.000	430.000	430.000			
5	Thuốc trừ bệnh Anvil 5 SC	Lít	4	305.000	1.220.000	1.220.000			
6	Phân chuồng (phân bò, heo)	Tấn	3	1.250.000	3.750.000		3.750.000		
7	Công lao động	Công	50	250.000	12.500.000		12.500.000		
II	Chi phí trực tiếp cho thâm canh sầu riêng theo Viet GAP	Ha	0,5		17.964.500	10.464.500	7.500.000		
	Giống, vật tư cho 1 ha				35.929.000	20.929.000	15.000.000		
1	Phân bón NPK 15-15-15	Kg	660	22.100	14.586.000	14.586.000			
2	Phân Kali sulphate	Kg	150	27.100	4.065.000	4.065.000			
3	Thuốc trừ sâu Reasgant 3.6 EC	Lít	2	215.000	430.000	430.000			
4	Thuốc trừ bệnh Anvil 5 SC	Lít	3	305.000	915.000	915.000			
5	Thuốc Agri-fos 400	Lít	3	311.000	933.000	933.000			
6	Phân chuồng (phân bò, heo)	Tấn	3	1.250.000	3.750.000		3.750.000		
7	Công lao động	Công	45	250.000	11.250.000		11.250.000		
III	Chi phí gián tiếp				8.500.000	8.500.000			
	Tổng cộng				307.939.500	178.564.500	129.375.000	57,99	42,01

Tổng chi phí dự án: 307.939.500 đồng. Bằng chữ: Ba trăm linh bảy triệu chín trăm ba mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ trực tiếp (Hỗ trợ phân bón, thuốc BVTV): 299.439.500 đồng. Trong đó: Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ: 170.064.500 đồng (*tương đương 56,79%*). Hộ dân đối ứng kinh phí với số tiền: 129.375.000 đồng (*tương đương 43,21%*).

- Kinh phí hỗ trợ gián tiếp (chi phí Tổ thẩm định và Chi phí quản lý): 8.500.000 đồng.

6.3. Nội dung và chi phí thực hiện của các hộ dân tham gia dự án

(*Kèm theo danh sách*)

6.4. Nguồn vốn đầu tư: Kinh phí thực hiện các Chương MTQG năm 2024 theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 và Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện Cát Tiên.

6.5. Phương thức hỗ trợ:

- Đối với kinh phí hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ kinh phí mua phân bón, thuốc BVTV (tương ứng tối đa không quá 60% kinh phí thực hiện dự án). Nhân dân đối ứng phần kinh phí còn lại (tương ứng tối thiểu 40% kinh phí thực hiện dự án) và tự đầu tư các chi phí sản xuất khác.

- Đối với chi phí Tổ thẩm định và Chi phí quản lý: Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí.

6.6. Phương án mua sắm và đầu mối mua sắm phục vụ dự án: Giao chủ đầu tư thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

7. Hình thức quay vòng vốn

- Tỷ lệ quay vòng vốn: Tỷ lệ quay vòng vốn là 5% trên tổng số kinh phí nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho hộ dân

- Hình thức quay vòng: Đại diện cộng đồng tổ chức thu hồi 5% vốn quay vòng của 100% hộ dân tham gia dự án, tổ chức bình xét, luân chuyển vốn để mở rộng sản xuất và thu nộp ngân sách nhà nước qua Trung tâm Nông nghiệp huyện khi kết thúc dự án.

(*Kèm theo phụ lục*)

8. Tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ: Giao chủ đầu tư thực hiện theo đúng quy định

9. Giải pháp tài chính xử lý các rủi ro: Giao chủ đầu tư thực hiện theo đúng quy định

10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan: Giao chủ đầu tư thực hiện theo đúng quy định

Điều 2.

1. Trung tâm Nông nghiệp huyện (*đơn vị chủ đầu tư*):

- Chịu trách nhiệm toàn diện về Dự án hỗ trợ thâm canh cây điều ghép và sầu riêng theo Viet GAP tại xã Phước Cát 2 năm 2024.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dự án. Tổ chức đánh giá hiệu quả dự án và có giải pháp duy trì, nhân rộng dự án trên địa bàn.

- Thực hiện việc hỗ trợ, thanh quyết toán theo đúng quy định; thu khoản kinh phí quay vòng vốn và nộp vào tài khoản tiền gửi mở tại kho bạc theo quy định tại Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh.

- Thực hiện đảm bảo các nội dung, yêu cầu theo Báo cáo số 02/BC-TTĐ ngày 05/8/2024 của Tổ thẩm định Hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án 2) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo về thẩm định Dự án hỗ trợ thâm canh cây điều ghép và sầu riêng theo Viet GAP tại xã Phước Cát 2 năm 2024.

2. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội: Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch: Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc thực hiện thủ tục thanh quyết toán nguồn vốn của dự án đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, thủ trưởng các cơ quan: Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Nông nghiệp và PTNT; Trung tâm Nông nghiệp; Kho bạc Nhà nước Cát Tiên; Chủ tịch UBND xã Phước Cát 2; thành viên Tổ thẩm định theo Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 23/4/2024 của UBND huyện căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, LĐTĐBXH.



Nguyễn Cao Trí

**BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG
TẠI XÃ PHƯỚC CÁT CÁT 2**

Hạng mục hỗ trợ: Hỗ trợ thâm canh cây điều ghép và sầu riêng theo Viet GAP
(Kèm theo Quyết định số 701/QĐ -UBND ngày 08/8/2024 của UBND huyện Cát Tiên)

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)	Chủng loại vật tư nông nghiệp	Định mức /ha	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nhà nước hỗ trợ (đồng)	Nhân dân đóng góp bằng vật tư, ngày công lao động (đồng)	Đối tượng hỗ trợ, thời gian công nhận (ngày, tháng, năm)
I	Hỗ trợ trực tiếp cho thâm canh cây điều ghép										
1	Điều K Son	1	Phân NPK 16-16-8	500	Kg	500,00	18.000	9.000.000	9.000.000	-	Hộ cận nghèo (23/12/2022)
			Phân NPK 20-20-15	400	Kg	400,00	23.700	9.480.000	9.480.000	-	
			Phân Clorua kali	100	Kg	100,00	11.500	1.150.000	1.150.000	-	
			Thuốc trừ sâu Reasgant 3.6 EC	2,0	Lít	2,00	215.000	430.000	430.000	-	
			Thuốc trừ bệnh Anvil 5 SC	4	Lít	4,00	305.000	1.220.000	1.220.000		
			Phân chuồng (phân bò, heo)	3	Tấn	3,00	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000	
			Công lao động	50	Công	50,00	250.000	12.500.000	-	12.500.000	
CỘNG							37.530.000	21.280.000	16.250.000		
2	Điều Thị Diên	1	Phân NPK 16-16-8	500	Kg	500,00	18.000	9.000.000	9.000.000	-	Hộ thoát nghèo (23/12/2022)
			Phân NPK 20-20-15	400	Kg	400,00	23.700	9.480.000	9.480.000	-	
			Phân Clorua kali	100	Kg	100,00	11.500	1.150.000	1.150.000	-	
			Thuốc trừ sâu Reasgant 3.6 EC	2,0	Lít	2,00	215.000	430.000	430.000	-	
			Thuốc trừ bệnh Anvil 5 SC	4	Lít	4,00	305.000	1.220.000	1.220.000		
			Phân chuồng (phân bò, heo)	3	Tấn	3,00	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000	
			Công lao động	50	Công	50,00	250.000	12.500.000	-	12.500.000	
CỘNG							37.530.000	21.280.000	16.250.000		
3	Điều Thị Hương	1	Phân NPK 16-16-8	500	Kg	500,00	18.000	9.000.000	9.000.000	-	Hộ thoát cận nghèo (23/12/2022)
			Phân NPK 20-20-15	400	Kg	400,00	23.700	9.480.000	9.480.000	-	
			Phân Clorua kali	100	Kg	100,00	11.500	1.150.000	1.150.000	-	
			Thuốc trừ sâu Reasgant 3.6 EC	2,0	Lít	2,00	215.000	430.000	430.000	-	
			Thuốc trừ bệnh Anvil 5 SC	4	Lít	4,00	305.000	1.220.000	1.220.000		
			Phân chuồng (phân bò, heo)	3	Tấn	3,00	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000	
			Công lao động	50	Công	50,00	250.000	12.500.000	-	12.500.000	
CỘNG							37.530.000	21.280.000	16.250.000		

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)	Chủng loại vật tư nông nghiệp	Định mức /ha	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nhà nước hỗ trợ (đồng)	Nhân dân đóng góp bằng vật tư, ngày công lao động (đồng)	Đối tượng hỗ trợ, thời gian công nhận (ngày, tháng, năm)
4	Phan Thanh Hoài	1	Phân NPK 16-16-8	500	Kg	500,00	18.000	9.000.000	9.000.000	-	Hộ thoát cận nghèo (23/12/2022)
			Phân NPK 20-20-15	400	Kg	400,00	23.700	9.480.000	9.480.000	-	
			Phân Clorua kali	100	Kg	100,00	11.500	1.150.000	1.150.000	-	
			Thuốc trừ sâu Reasgant 3.6 EC	2,0	Lít	2,00	215.000	430.000	430.000	-	
			Thuốc trừ bệnh Anvil 5 SC	4	Lít	4,00	305.000	1.220.000	1.220.000	-	
			Phân chuồng (phân bò, heo)	3	Tấn	3,00	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000	
			Công lao động	50	Công	50,00	250.000	12.500.000	-	12.500.000	
CỘNG							37.530.000	21.280.000	16.250.000		
5	Đỗ Thị Nga	1	Phân NPK 16-16-8	500	Kg	500,00	18.000	9.000.000	9.000.000	-	Hộ cận nghèo (16/12/2021)
			Phân NPK 20-20-15	400	Kg	400,00	23.700	9.480.000	9.480.000	-	
			Phân Clorua kali	100	Kg	100,00	11.500	1.150.000	1.150.000	-	
			Thuốc trừ sâu Reasgant 3.6 EC	2,0	Lít	2,00	215.000	430.000	430.000	-	
			Thuốc trừ bệnh Anvil 5 SC	4	Lít	4,00	305.000	1.220.000	1.220.000	-	
			Phân chuồng (phân bò, heo)	3	Tấn	3,00	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000	
			Công lao động	50	Công	50,00	250.000	12.500.000	-	12.500.000	
CỘNG							37.530.000	21.280.000	16.250.000		
6	Ngô Thị Lụa	0,5	Phân NPK 16-16-8	500	Kg	250,00	18.000	4.500.000	4.500.000	-	Hộ thoát cận nghèo (23/12/2022)
			Phân NPK 20-20-15	400	Kg	200,00	23.700	4.740.000	4.740.000	-	
			Phân Clorua kali	100	Kg	50,00	11.500	575.000	575.000	-	
			Thuốc trừ sâu Reasgant 3.6 EC	2,0	Lít	1,00	215.000	215.000	215.000	-	
			Thuốc trừ bệnh Anvil 5 SC	4	Lít	2,00	305.000	610.000	610.000	-	
			Phân chuồng (phân bò, heo)	3	Tấn	1,50	1.250.000	1.875.000	-	1.875.000	
			Công lao động	50	Công	25,00	250.000	6.250.000	-	6.250.000	
CỘNG							18.765.000	10.640.000	8.125.000		
7	Nguyễn Đình Khanh	1	Phân NPK 16-16-8	500	Kg	500,00	18.000	9.000.000	9.000.000	-	Hộ thoát cận nghèo (23/12/2022)
			Phân NPK 20-20-15	400	Kg	400,00	23.700	9.480.000	9.480.000	-	
			Phân Clorua kali	100	Kg	100,00	11.500	1.150.000	1.150.000	-	
			Thuốc trừ sâu Reasgant 3.6 EC	2,0	Lít	2,00	215.000	430.000	430.000	-	
			Thuốc trừ bệnh Anvil 5 SC	4	Lít	4,00	305.000	1.220.000	1.220.000	-	
			Phân chuồng (phân bò, heo)	3	Tấn	3,00	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000	
			Công lao động	50	Công	50,00	250.000	12.500.000	-	12.500.000	
CỘNG							37.530.000	21.280.000	16.250.000		

Stt	Hạng mục	Diện tích (ha)	Chủng loại vật tư nông nghiệp	Định mức /ha	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nhà nước hỗ trợ (đồng)	Nhân dân đóng góp bằng vật tư, ngày công lao động (đồng)	Đối tượng hỗ trợ, thời gian công nhận (ngày, tháng, năm)
8	Hoàng Thị Bình	1	Phân NPK 16-16-8	500	Kg	500,00	18.000	9.000.000	9.000.000	-	Hộ thoát cận nghèo (23/12/2022)
			Phân NPK 20-20-15	400	Kg	400,00	23.700	9.480.000	9.480.000	-	
			Phân Clorua kali	100	Kg	100,00	11.500	1.150.000	1.150.000	-	
			Thuốc trừ sâu Reasgant 3.6 EC	2,0	Lít	2,00	215.000	430.000	430.000	-	
			Thuốc trừ bệnh Anvil 5 SC	4	Lít	4,00	305.000	1.220.000	1.220.000	-	
			Phân chuồng (phân bò, heo)	3	Tấn	3,00	1.250.000	3.750.000	-	3.750.000	
			Công lao động	50	Công	50,00	250.000	12.500.000	-	12.500.000	
CỘNG							37.530.000	21.280.000	16.250.000		
	Tổng hợp vật tư, phân bón, công lao động thực hiện thâm canh cây điều ghép	7,5	Phân NPK 16-16-8	500	Kg	3.750,0	18.000	67.500.000	67.500.000	-	
			Phân NPK 20-20-15	400	Kg	3.000,0	23.700	71.100.000	71.100.000	-	
			Phân Clorua kali	100	Kg	750,0	11.500	8.625.000	8.625.000	-	
			Thuốc trừ sâu Reasgant 3.6 EC	2,0	Lít	15,00	215.000	3.225.000	3.225.000	-	
			Thuốc trừ bệnh Anvil 5 SC	4	Lít	30,00	305.000	9.150.000	9.150.000	-	
			Phân chuồng (phân bò, heo)	3	Tấn	22,50	1.250.000	28.125.000	-	28.125.000	
			Công lao động	50	Công	375,00	250.000	93.750.000	-	93.750.000	
CỘNG					7.942,5		281.475.000	159.600.000	121.875.000		
II	Hỗ trợ trực tiếp cho thâm canh sầu riêng theo Viet GAP										
1	Lê Thị Linh Huệ Thư	0,50	Phân bón NPK 15-15-15	660	Kg	330,00	22.100	7.293.000	7.293.000	-	Hộ cận nghèo (23/12/2022)
			Phân Kali sulphate	150	Kg	75,00	27.100	2.032.500	2.032.500	-	
			Thuốc trừ sâu Reasgant 3.6 EC	2	Lít	1,00	215.000	215.000	215.000	-	
			Thuốc trừ bệnh Anvil 5 SC	3	Lít	1,50	305.000	457.500	457.500	-	
			Thuốc Agri-fos 400	3	Lít	1,50	311.000	466.500	466.500	-	
			Phân chuồng (phân bò, heo)	3	Tấn	1,50	1.250.000	1.875.000	-	1.875.000	
			Công lao động	45	Công	22,50	250.000	5.625.000	-	5.625.000	
CỘNG							17.964.500	10.464.500	7.500.000		
III Hỗ trợ gián tiếp							8.500.000	8.500.000			
		Hỗ trợ kinh phí tổ thăm định					1.750.000	1.750.000			
		Tổ trưởng		Người	1	400.000	400.000	400.000			
		Tổ Phó		Người	2	300.000	600.000	600.000			
		Thành viên tổ thăm định		Người	5	100.000	500.000	500.000			
		Thư ký tổ thăm định		Người	1	250.000	250.000	250.000			
		Chi phí quản lý					6.750.000	6.750.000			
TỔNG CỘNG (I+II+III)							307.939.500	178.564.500	129.375.000		

BẢNG DỰ TOÁN THU KINH PHÍ TỶ LỆ QUAY VÒNG VỐN
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG TẠI XÃ PHƯỚC CÁT 2
Hạng mục hỗ trợ: Hỗ trợ sản xuất lúa chất lượng và Thâm canh sâu riềng theo Viet GAP

(Kèm theo Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND huyện Cát Tiên)

TT	Họ và tên	Đối tượng	Địa chỉ (Tổ dân phố)	Kinh phí nhà nước hỗ trợ	Thu kinh phí quay vòng vốn (5%)	Ghi chú
1	Điền K Sơn	Cận nghèo	Thôn 4	21.280.000	1.064.000	
2	Điền Thị Diên	Thoát nghèo	Thôn 4	21.280.000	1.064.000	
3	Điền Thị Hương	Thoát cận nghèo	Thôn 3	21.280.000	1.064.000	
4	Phan Thanh Hoài	Thoát cận nghèo	Phước Thái	21.280.000	1.064.000	
5	Đỗ Thị Nga	Cận nghèo	Phước Thái	21.280.000	1.064.000	
6	Lê Thị Linh Huệ Thư	Cận nghèo	Sơn Hải	10.464.500	523.225	
7	Ngô Thị Lụa	Thoát cận nghèo	Sơn Hải	10.640.000	532.000	
8	Nguyễn Đình Khanh	Thoát cận nghèo	Sơn Hải	21.280.000	1.064.000	
9	Hoàng Thị Bình	Thoát nghèo	Phước Trung	21.280.000	1.064.000	
Tổng cộng				170.064.500	8.503.225	